

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2061 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 2, thành phố Bà Rịa
(Đoạn từ ngã 4 Hòa Long đến ngã 5 Long Điền)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về QLDA đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban

hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về chủ trương đầu tư Dự án: Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 2, thành phố Bà Rịa (Đoạn từ ngã 4 Hòa Long đến ngã 5 Long Điền) ;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2310/SGTVT-QLKCCL ngày 07/7/2022 về báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD dự án Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 2, thành phố Bà Rịa (Đoạn từ ngã 4 Hòa Long đến ngã 5 Long Điền).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 2, thành phố Bà Rịa (Đoạn từ ngã 4 Hòa Long đến ngã 5 Long Điền) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 2, thành phố Bà Rịa (Đoạn từ ngã 4 Hòa Long đến ngã 5 Long Điền).

2. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Chuyên ngành giao thông.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu đầu tư: Nhằm hoàn thiện phần còn lại trong tổng thể dự án Hương Lộ 2 nối tiếp từ tỉnh lộ 52 về thị trấn Long Điền, nằm trong tổng thể quy hoạch thành phố Bà Rịa đến năm 2025; Giảm thiểu áp lực giao thông , nguy cơ gây mất an toàn giao thông do các khu dân cư hình thành ngày càng nhiều hai bên tuyến đường. Thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế- xã hội, chỉnh trang đô thị và vệ sinh môi trường, dịch vụ du lịch, nâng cao đời sống nhân dân.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Tổng chiều dài toàn tuyến: 3,15Km.

+ Điểm đầu tuyến : Tại ngã tư chợ Hòa Long, thành phố Bà Rịa;

+ Điểm cuối tuyến : Tại vòng xoay ngã 5 thị trấn Long Điền;

- Cấp đường thiết kế: Đường cấp 50 - Vận tốc thiết kế 50Km/h.

- Mặt cắt ngang tuyến: 8,0m (vía hè) +14,0m (mặt đường) + 8,0m (vía hè) = 30,0m.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 157\text{MPa}$.

- Tải trọng trục tính toán: Trục đơn 120KN.
- Đường kính của vệt bánh xe : 36 cm.
- Áp lực tính toán : 0,6 Mpa.
- Loại kết cấu áo đường : Cấp cao A1.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Công Chính.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Tp.Bà Rịa và huyện Long Điền.
- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 10,14ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp II.
- Thời hạn sử dụng của công trình chính: 15 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

+ Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN263-2000; TCCS 31:2020/TCĐBVN;

+ Tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

+ Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế - TCXDVN 104:2007;

+ Tiêu chuẩn 22 TCN 211: 2006: Áo đường mềm - yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

+ Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị - TCXDVN 259:2001;

+ Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008;

+ Quy trình thiết lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công - TCVN 4252:2012;

+ Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447- 2012;

+ Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu - TCVN 9436:2012;

+ Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu - TCVN 9361:2012;

+ Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước – Thi công và nghiệm thu TCVN 9504:2012;

+ Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859: 2011;

+ Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819: 2011;

+ Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2018

+ Và một số quy trình khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu khác có liên quan đến công trình.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: **317.222.000.000 đồng**. (*Bằng chữ: Ba trăm mười bảy tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	133.648.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	153.822.000.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	2.412.000.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	7.802.000.000 đồng.
- Chi phí khác:	3.373.000.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	16.165.000.000 đồng.

(Có bảng chi tiết kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện dự án: 48 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt dự án (theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/5/2021 của HĐND tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu).

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh – Vốn đầu tư công.

- Kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Kế hoạch vốn được bố trí thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 (theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/5/2021 của HĐND tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban quản lý dự án xây dựng chuyên ngành.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Quyết định số

52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014, Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 và các quy định khác có liên quan.

14. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

a) Bình đồ tuyến:

- Bình đồ tuyến cơ bản tuân thủ Quy hoạch Khu dân cư trung tâm xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa – Điều chỉnh QH phân khu tỉ lệ 1/2000.

- Nút giao ngã 5 Long Điền: Điều chỉnh vị trí tâm vòng xuyên hiện hữu vào vị trí giao của tim cách nhánh, tăng bán kính đảo trung tâm $R = 12m$, chiều rộng mặt đường trong phạm vi nút giao là 14m. Cải tạo lại vỉa hè, hệ thống hạ tầng, cây xanh, chiếu sáng, trong phạm vi thiết kế nút giao, chỉnh trang lại ngã 5 Long Điền cho phù hợp với QH, hiện trạng và đồng bộ với các tuyến sẽ được đầu tư trong tương lai.

b) Trắc dọc tuyến:

- Đối với các đoạn tuyến đi trùng với đường hiện hữu, cao độ thiết kế bám theo cao độ hiện trạng, đảm bảo phù hợp với địa hình và hướng thoát nước, kết hợp hài hòa giữa các yếu tố bình đồ - trắc dọc – trắc ngang.

c) Thiết kế mặt cắt ngang:

- + Bề rộng mặt đường xe chạy : $2 \times 7,0m = 14,0m$.
- + Bề rộng vỉa hè : $2 \times 8,0m = 16,0m$.
- + Bề rộng nền đường : $30,0m$.
- + Độ dốc ngang mặt đường : 2% ;
- + Độ dốc ngang vỉa hè : -2% ;

d) Nền đường:

- Nền đào: Đào tới cao độ đáy kết cấu áo đường, lu lèn 30,0cm đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

- Nền đắp: Vét hữu cơ, đắp bằng đất chọn lọc, độ chặt $K \geq 0,95$, $CBR \geq 4$, riêng 50cm tiếp giáp đáy kết cấu áo đường yêu cầu độ chặt $K \geq 0,98$, $CBR \geq 6$.

e) Kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường làm mới, mở rộng (KCAĐ 1):

- + Bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 trải nóng dày 5cm.
- + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m².
- + Bê tông nhựa chặt BTNC C19 trải nóng dày 7cm.
- + Tưới nhựa thấm bám, tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m².
- + Cấp phối đá dăm loại I ($D_{max} = 25mm$) dày 15cm.

- + Đá dăm nước dày 30cm.
- Kết cấu áo đường tăng cường (KCAĐ 2 - Đoạn Km0+00 đến Km0+500.0):
 - + Bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 trải nóng dày 5cm.
 - + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m².
 - + Bê tông nhựa chặt BTNC C19 trải nóng dày 7cm.
 - + Mặt đường cũ được vệ sinh sạch và bù vênh bằng BTN C19.
 - + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 Kg/m².

Để hạn chế việc nứt dọc mặt đường tại mép đường tăng cường và mở rộng, dọc theo phần tiếp giáp mặt đường cũ và mới bố trí lớp lưới địa kỹ thuật rộng 0.95m. Trong đó 47.5cm chòem vào phần mặt đường tăng cường và 47.5cm chòem vào phần mặt đường mở rộng. Lớp lưới địa kỹ thuật đặt sát dưới đáy lớp BTN C19.

- Kết cấu áo đường trên đường Láng nhựa cũ (KCAĐ 3):
 - + Bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 trải nóng dày 5cm.
 - + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 Kg/m².
 - + Bê tông nhựa chặt BTNC C19 trải nóng dày 7cm.
 - + Tưới nhựa thấm bám, tiêu chuẩn nhựa 1,0 Kg/m².
 - + Cấp phối đá dăm loại I (Dmax = 25mm) dày 12cm.
 - + Bù vênh mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I (Dmax = 25mm).
 - + Mặt đường láng nhựa cũ được cày sọc, tạo nhám.

f) Bó vỉa, vỉa hè, gờ chặn, đảo giao thông và dải phân cách:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo 40x40x3cm (gồm lớp vữa M75 dày 2cm) trên lớp BT đá 2x4 M100
- Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M250 dạng vát xiên trên lớp lót móng bê tông đá 2x4xm M100 chiều dày 10cm, chiều rộng bó vỉa 70cm.
- Gờ chặn vỉa hè dạng hình chữ nhật BxH=20x30cm, bằng bê tông đá 1x2 M250 trên lớp BT đá 2x4 M100.
- Bó vỉa dải phân cách, đảo giao thông: Bằng bê tông đá 1x2 M250 đổ tại chỗ và sơn phản quang an toàn giao thông.

g) Gia cố mái taluy:

- Kết cấu gia cố taluy bằng đá hộc xây vữa xi măng M100, dày 25cm, trên lớp móng bằng đá dăm đệm dày 10cm đầm chặt. Chân khay taluy rộng 0.5m, chiều sâu cắm chân khay 1.0m, kết cấu chân khay taluy bằng đá hộc xây vữa xi măng M100, trên lớp móng bằng đá dăm đệm dày 10cm đầm chặt.

h) Hệ thống thoát nước dọc:

- Hướng thoát:

- Hướng thoát số 1: Sử dụng cống BTCT tròn ly tâm Ø800 đúc sẵn, hướng thoát nước từ lý trình Km0+00 về Km0+712.0, đầu nối với cống thoát nước mưa Ø800 hiện hữu, hai bên đường Võ Văn Kiệt.

- Hướng thoát số 2: Sử dụng cống BTCT tròn ly tâm Ø800, Ø1000, Ø1200 đúc sẵn, hướng thoát nước từ lý trình Km0+712.0 về Km2+212.00 đầu nối với đoạn cống hộp 1.6x1.6m, dẫn nước thoát ra kênh Bàu Súng.

- Hướng thoát số 3: Sử dụng cống BTCT tròn ly tâm Ø800, Ø1000 đúc sẵn, hướng thoát nước từ lý trình Km2+930.0 về Km2+212.00 đầu nối với đoạn cống hộp 1.6x1.6m, dẫn nước thoát ra kênh Bàu Súng.

- Hướng thoát số 4: Sử dụng cống BTCT tròn ly tâm Ø800 đúc sẵn, hướng thoát nước từ Km2+940.0 về cuối tuyến, bên phải đầu nối với cống thoát nước mưa Ø800 hiện hữu trên đường Võ Thị Sáu, Bên trái đầu nối với mương đan hiện hữu dọc theo đường Hương lộ 8.

- Đoạn cống hộp 1.6x1.6m, dài 102.0m: Dẫn nước từ lý trình Km2+212.00 thoát ra kênh Bàu Súng (Km0+520.00 - kênh Bàu Súng).

- Kết cấu chính (ống cống, giếng thăm, hố thu nước, hố ngăn mùi):

- Tải trọng thiết kế: H30 - XB80 (cống qua đường), H10 (cống dưới vỉa hè).

- Móng cống qua đường: Bằng bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ trên lớp bê tông M100 đá 2x4 dày 10cm (cống qua đường), bằng gối BTCT M250 đá 1x2, đúc sẵn (cống dưới vỉa hè);

- Chèn ống cống bằng bê tông M200 đá 1x2. Mối nối cống bằng Joint cao su + bê tông M200 đá 1x2 (cống qua đường), bằng Joint cao su và Vữa xi măng M100 (cống dưới vỉa hè).

- Giếng thăm bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 20 cm, đệm móng bằng bê tông M100 đá 2x4 dày 10cm, tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2. Khoảng cách trung bình giữa các hố ga, hố thu nước mưa trung bình từ 30-40m.

i) Hệ thống thoát nước ngang:

- Bố trí thoát nước ngang tại Km2+073,61: Là vị trí giao cắt của kênh tưới nước N3 – Sông Dinh với đường HL2, hoàn trả thoát nước cho kênh N3-Sông Dinh, không đầu nối hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến vào kênh N3-Sông Dinh.

- Cống tròn: Cống BTCT ly tâm M300 đá 1x2 đúc sẵn, có chiều dài đốt cống từ 2-4m.

- Móng cống bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 30cm đổ tại chỗ trên lớp bê tông

M100 đá 2x4 dày 10cm. Mỗi nối cống bằng Joint cao su + phía ngoài đổ bê tông đá 1x2 M200 rộng 20cm, dày 10cm.

- Tải trọng thiết kế: H30-XB80.
- Thượng, hạ lưu cống với từng vị trí cụ thể bố trí tường đầu, tường cánh hoặc hố ga bằng bê tông đá 1x2 M200.
- Các lớp lót móng làm bê tông M100 đá 2x4.

j) Hệ thống thoát nước thải

- Hướng thoát số 1: Sử dụng cống BTCT tròn ly tâm Ø300 đúc sẵn, hướng thoát từ lý trình Km0+00 về Km0+720.00 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải đi chung trên đường Võ Văn Kiệt.

- Hướng thoát số 2: Sử dụng cống BTCT tròn ly tâm Ø400 đúc sẵn, hướng thoát nước từ lý trình Km0+720.00 đến cuối tuyến, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải đi chung trên đường Võ Thị Sáu (khu vực ngã 5 Long Điền). Từ lý trình Km2+785.00-:Km2+967: Bố trí 02 trạm bơm tăng áp nước thải tại Km2+785.00 (hai bên vỉa hè) bơm nước và xả ra hố ga tại Km2+967 để tiếp tục tự chảy theo độ dốc dọc về đường Võ Thị Sáu.

- Công suất Trạm bơm: Sử dụng 2 máy bơm chìm nước thải công suất 2.2KW, có khởi động bơm từ tủ điều khiển tự động, đường kính cửa ống xả máy bơm 75mm, chiều cao cột áp Hmax=15m.

- Kết cấu:

+ Cống tròn: Cống BTCT ly tâm M300 đá 1x2 đúc sẵn, có chiều dài đốt cống từ 2-4m.

+ Tải trọng thiết kế: H30 - XB80 (cống qua đường), H10 (cống dưới vỉa hè).

+ Móng cống qua đường: Bằng bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ trên lớp bê tông M100 đá 2x4 dày 10cm (cống qua đường), bằng gối BTCT M250 đá 1x2, đúc sẵn (cống dưới vỉa hè);

+ Chèn ống cống bằng bê tông M200 đá 1x2. Mỗi nối cống bằng Joint cao su + bê tông M200 đá 1x2 (cống qua đường), bằng Joint cao su và Vữa xi măng M100 (cống dưới vỉa hè).

+ Giếng thăm bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 20 cm, đệm móng bằng bê tông M100 đá 2x4 dày 10cm, tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2.

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà dân được đầu nối vào hố ga hệ thống thoát nước thải trên tuyến thông qua đường ống PVC Ø150 bố trí dọc theo mép ngoài vỉa hè, đối với những đoạn hiện tại chưa có nhà dân chỉ bố trí ống chờ PVC Ø150 tại hố ga, chiều dài L=0,5m.

k) Hệ thống ống kỹ thuật, bề cáp

- Hệ thống ống kỹ thuật: được bố trí trên suốt chiều dài tuyến.

+ Bên phải : Dùng 04 ống kỹ thuật HDPE (gồm 01 ống D190 + 01 ống D130 + 01 ống D110) cho cáp điện trung thế, cáp điện hạ thế và cáp viễn thông.

+ Bên trái : Dùng 03 ống kỹ thuật HDPE (gồm 02 ống D110 + 01 ống D130) cho cáp viễn thông và cáp điện hạ thế.

- Hồ kỹ thuật: Dọc theo tuyến ống cáp, trung bình 35 -:- 45m bố trí 01 hồ kỹ thuật. Hồ kỹ thuật có kích thước lọt lòng 1.0x2.0m, thành và đáy dày bằng bê tông đá 1x2 M200. Lót móng đáy hồ kỹ thuật bằng bê tông đá 2x4 M100. Tấm đan đáy hồ kỹ thuật bằng BTCT đá 1x2 M250, cạnh tấm đan được gia cố bằng thép góc L50x50x5mm.

1) Hệ thống cấp nước

+ Đầu tư cụm ống HDPE D200 và HDPE D110 dọc hai bên vỉa hè, phía trái tuyến: Từ cọc T1 (đầu tuyến) đến T39 (Ngã 5 Long Điền), phía phải tuyến: Từ cọc P1 (đầu tuyến) đến Km2+073.6.

+ Phụ tùng đầu nối: Sử dụng vật liệu Gang, khi đầu nối ống với phụ tùng sử dụng BU HDPE hàn gia nhiệt.

+ Tại vị trí ống cấp nước băng ngang qua đường, sử dụng ống lồng HDPE D160 cho ống cấp nước D110. Ống lồng HDPE D315 cho ống cấp nước D200. Ống lồng hai đầu quấn vải địa bịt ống để hạn chế đất cát lọt vào trong ống gây sứt móng nền đường.

+ Van xả cạn: Được bố trí tại các điểm thấp của tuyến tại các vị trí cuối tuyến, được xả thẳng vào hố ga thoát nước mưa.

+ Trụ cứu hỏa: Theo chiều dài tuyến cách trung bình 150m bố trí 1 trụ cứu hỏa và bố trí so le hai bên tuyến.

Tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Ống HDPE phù hợp với tiêu chuẩn DIN 8074-8075:1999; ISO 4427:2009, đầu nối bằng phương pháp hàn gia nhiệt, độ dày $\geq 9.5\text{mm}$, áp lực công tác 10Bar đối với ống HDPE D110 & D200.

- Phụ tùng đầu nối: sử dụng phụ tùng Gang sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 2531(E) 1991-1998. Riêng Bu sử dụng Bu HDPE nối hàn gia nhiệt được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427:1996, TCVN 7305:2003; BS 3505:1968.

- Van: sử dụng van được sản xuất theo tiêu chuẩn BS 5163, loại đĩa bọc cao su Resilient seated gate, thân gang dẻo, mặt bích sản xuất theo tiêu chuẩn BS 4504PN16 (ISO 7005-2: PN10/PN16, ty chìm làm bằng thép không gỉ, sơn Epoxy phủ ngoài.

- Van xả khí: sử dụng van xả khí sản xuất theo tiêu chuẩn EN 1074 - 1 and 4, thân và nắp làm bằng gang xám sơn Epoxy. Bóng van làm bằng polycarbonat và thép

không rỉ. Rổ bóng làm bằng Polypropylene và mặt tựa làm bằng đồng bọc cao su EPDM.

- Trụ cứu hỏa: Tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 6379: 1998, hàng mới 100%.

m) Hệ thống điện chiếu sáng:

- Yêu cầu kỹ thuật chiếu sáng:

- + Cấp chiếu sáng : Cấp B
- + Độ chói trung bình : $L_{tb} = 1.0 \text{ cd/m}^2$
- + Độ rọi trung bình : $IL_{tb} = 1.2 \text{ Lux}$
- + Độ đồng đều chung : $U_0 = L_{\min}/L_{tb} > 0,4$
- + Độ đồng đều dọc : $U_1 = L_{\text{dảimin}}/L_{\text{maxdải}} > 0,7$
- + Chỉ số chói lóa : $G > 4$.

- Đèn chiếu sáng bố trí song song, hai bên trên vỉa hè, khoảng cách giữa các trụ đèn trung bình 40m.

- Độ cao treo đèn chiếu sáng mặt đường là 11m (trụ cao 9m, cần đèn cao 2m), độ vươn xa 1.5m một bên; Độ cao treo đèn chiếu sáng vỉa hè là 8.0m, độ vươn xa 0.75m.

- Móng trụ bằng bê tông đá 1x2 M200, lót móng bằng bê tông đá 2x4 M100. Liên kết trụ đèn với móng bằng bulong M24.

- Cấp điện: Sử dụng các loại cáp ngầm CXV/DTA, CXV/DSTA, CVV và dây đồng trần tiếp địa. Toàn bộ hệ thống cáp ngầm được đặt trong ống bảo vệ HDPE gân xoắn.

- Bộ đèn:

+ Chiếu sáng lòng đường: Sử dụng loại đèn LED công suất 110W ánh sáng trắng trung tính, độ kín phần quang IP66, độ kín phần điện IP66.

+ Chiếu sáng vỉa hè: Sử dụng loại đèn LED công suất 71W ánh sáng trắng trung tính, độ kín phần quang IP66, độ kín phần điện IP66.

+ Chiếu sáng phạm vi nút giao ngã 5 Long Điền: bố trí trụ đèn pha cao 25m nâng hạ di động, trụ được đặt chính giữa đảo trung tâm, dàn đèn gồm 8 bóng đèn pha với công suất mỗi bóng 400W tỏa ra các hướng tại đảo giao thông.

- Tủ điều khiển bằng composite, móng trụ bằng bê tông đá 1x2 M200, lót móng bằng bê tông đá 2x4 M100. Liên kết tủ với móng bằng bulong M16.

n) Cây xanh:

- Trồng cây trung mộc trên vỉa hè hai bên tuyến với khoảng cách trung bình giữa các cây 10m/cây.

- Thành hố trồng cây trên vỉa hè bằng bê tông đá 1x2 M200, lót móng bằng bê tông đá 2x4 M100.

o) Hệ thống an toàn giao thông:

- Bố trí vạch kẻ đường và các loại biển báo hiệu giao thông tuân thủ theo quy định của QCVN 41: 2019/BGTVT.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định)

Điều 2. Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án Chuyên ngành giao thông triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Xuyên Mộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Giám đốc Ban Quản lý dự án Chuyên ngành giao thông và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KTN.
(KT4)

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Khánh